Name: _____ Date: _____

wǒ de shēn tǐ
我的身体

Look at the pictures and circle the correct words

	tóu 头 / liǎn 脸
	bí zi 鼻子 / ěr duǒ 耳朵
	jiǎo 脚 / tóu fà 头发
	méi máo 眉毛 / shǒu 手
	yǎn jīng 眼睛 / yá 呀
	shǒu 手 / jiǎo 脚
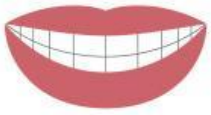	zuǐ bā 嘴巴 / tuǐ 腿
	tuǐ 腿 / wěi bā 尾巴
	bí zi 鼻子 / yǎn jīng 眼睛
	tóu 头 / jiǎo 脚

LIVEWORKSHEETS